

VĂN HOÁ PHÁP LUẬT TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THƯỜNG*

Tóm tắt: Sự phát triển của kinh tế thị trường cần có văn hóa pháp luật. Việt Nam muốn phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì cần phải xây dựng một nền văn hóa pháp luật phù hợp, phải làm cho pháp luật của nước mình tương thích với luật pháp quốc tế. Tuy nhiên hiện nay hệ thống pháp luật ở Việt Nam chưa theo kịp đòi hỏi của sự phát triển. Vì vậy, việc giáo dục về văn hóa pháp luật, tạo thói quen sống và làm việc trong một xã hội có kỷ cương, pháp luật nghiêm minh là cực kỳ quan trọng.

Từ khóa: Văn hóa pháp luật, kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế.

Hơn bao giờ hết, nhu cầu phát triển kinh tế đang được đặt ra một cách bức xúc vì đó là vấn đề sống còn của dân tộc; nó quyết định sự tồn vong và vị trí của đất nước ta trong trật tự thế giới hiện nay. Phát triển kinh tế là trung tâm, giá trị định hướng của toàn xã hội. Chúng ta xác định kinh tế thị trường là con đường tất yếu để phát triển đất nước. Việc chuyển đổi từ nền kinh tế hành chính, quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường làm rung chuyển không ít những quan niệm và giá trị truyền thống, làm phát sinh những quan niệm và giá trị mới. Kinh tế thị trường đòi hỏi các nét văn hóa tương ứng với nó. Văn hóa thị trường bên ngoài cũng đang du nhập mạnh mẽ vào Việt Nam. Vấn đề đặt ra là chúng ta phải nhận diện được cả mặt mạnh lẫn mặt yếu trong văn hóa của mình để có thể khai thác có hiệu

quả các giá trị văn hóa truyền thống phục vụ đắc lực cho sự phát triển; phải biết lựa chọn, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nước ngoài, bù đắp cho những thiếu hụt của truyền thống, tạo ra các chuẩn mực giá trị mới phù hợp với kinh tế thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, bản thân văn hóa cũng như quan hệ giữa văn hóa và kinh tế là vấn đề hết sức rộng lớn vì phổ tác động, liên hệ của chúng có tính chất bao trùm và đa diện. Bài viết này chỉ giới hạn ở việc xem xét một số khía cạnh của văn hóa pháp luật trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

1. Khái niệm văn hóa pháp luật

Trước hết, cần phải nói rằng, văn hóa pháp luật là khái niệm phức tạp. Sự

(*) Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

phức tạp là ở chỗ, nó nằm giữa ranh giới của lĩnh vực văn hóa học và luật học. Bởi thế, các nhà chuyên môn tùy theo góc độ tiếp cận, cũng có những cách nhìn nhận khác nhau đối với khái niệm này. Các nhà văn hóa học xem văn hóa pháp luật là một bộ phận hợp thành hữu cơ của hệ thống các quan niệm giá trị, chuẩn mực, hành vi văn hóa của một cộng đồng dân tộc. Còn các chuyên gia về luật học lại xem văn hóa pháp luật như là sự mở rộng phạm vi tiếp cận của luật so sánh. Vì vậy, một số tác giả mặc nhiên coi văn hóa pháp luật là *văn hóa pháp lý* hay *văn hóa tư pháp*. Quan niệm này, tuy có những “hạt nhân hợp lý”, nhưng không tránh khỏi phiến diện. Bởi lẽ, pháp lý với tư cách là một khoa học về luật có nhiệm vụ soi rọi những nguyên lý của luật pháp. Nó cũng thường được xem là nghề nghiên cứu, là hàn lâm. Cũng như thế, tư pháp có thể hiểu là hệ thống tòa án, không bao hàm mọi hiện tượng pháp luật nói chung. Để tiện cho việc xem xét đánh giá, cần thống nhất cách hiểu về khái niệm này. Văn hóa pháp luật (legal culture) không phải là thuật ngữ của giới luật học thuần túy (tựa như khế ước, nghĩa vụ, lỗi, hành vi hay chế tài), mà là một đại lượng gắn liền với xã hội học pháp luật hoặc nhân chủng học có liên quan đến pháp luật. Trước đây, nó thường được coi là một yếu tố của triết học pháp quyền. Nhìn chung, có thể hiểu *văn hóa pháp luật là một cách nhìn về luật pháp, đặt pháp*

luật trong những tương quan đa chiều với khoa học văn hóa, khoa học hành vi, cách tư duy, ứng xử, tôn giáo, niềm tin, các đặc tính nhân học của các cộng đồng và tộc người. Văn hóa pháp luật là những thang giá trị và công cụ nghiên cứu; là quan niệm, giá trị, mong đợi và thái độ của xã hội đối với các hiện tượng luật pháp.

Quan niệm về văn hóa pháp luật nêu trên giúp chúng ta hiểu rõ tương tác của pháp luật với quy phạm xã hội và những nền tảng văn hóa khác của một tộc người (sinh hoạt kinh tế, chính trị, xã hội, các tập tục ăn, ở, cưới hỏi, ma chay, lễ hội, các sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo, thói quen tổ chức cộng đồng...).

Là một bộ phận của văn hóa nói chung, văn hóa pháp luật có thể xem như một lĩnh vực, một cấp độ thể hiện của văn hóa trong sự biến đổi không ngừng. Trình độ văn hóa pháp luật của một quốc gia là một nấc thang trong quá trình phát triển không ngừng của văn hóa dân tộc, đánh dấu mức độ phát triển của dân chủ và văn minh quốc gia.

2. Đặc điểm văn hóa pháp luật Việt Nam

Trong đời sống xã hội hiện đại nói chung, trong hoạt động thị trường nói riêng, văn hóa pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng. Song, cần phải thừa nhận rằng, về phương diện này, điểm thiếu hụt đáng kể của văn hóa truyền thống Việt Nam là chưa có một văn hóa pháp luật thực sự, phù hợp với yêu cầu

của kinh tế thị trường. Chúng ta đã chỉ quen sống trong một nền “văn hóa luật tục” được chỉ dẫn bởi luân lý, lệ làng. Di sản văn hóa pháp luật chỉ là những nếp hành xử cũ liên quan đến các hiện tượng luật pháp. Trong khi “văn hóa pháp luật là những thang giá trị, bao gồm chí ít: (1) luật trên giấy, (2) luật trong hành xử thực tế, (3) luật trong suy nghĩ và thái độ của các giai tầng xã hội”⁽¹⁾. Dù Việt Nam có một nền văn hóa riêng biệt đầy bản sắc, nhưng văn hóa pháp luật truyền thống Việt Nam chưa được định hình rõ nét.

Văn hóa pháp luật thường được xem như sự thống nhất giữa hiểu biết luật và chấp hành luật. Trên thực tế, “hiểu biết luật” và “chấp hành luật” có một khoảng cách không nhỏ do đạo đức xã hội chi phối. Với đặc trưng duy tình, tư duy linh hoạt, ứng xử mềm dẻo, văn hóa truyền thống Việt Nam coi trọng sự ước định không chính thức, không coi trọng xây dựng pháp quy chính thức và cơ chế thực hiện; pháp luật thành văn chính thức có “tính khả biến” rất cao, có thể “sửa chữa” hoặc bỏ đi bất kỳ lúc nào do những nhu cầu đặc biệt. Luật pháp trong xã hội phong kiến Việt Nam trước đây thể hiện ý chí và lợi ích của giai cấp thống trị, chủ yếu áp dụng cho thần dân và quan chức nhỏ. Có câu “lễ không xuống đến thứ dân, hình không lên đến thượng thư”, nên người dân có tâm lý phản kháng lại luật pháp, coi thường luật pháp, “phép vua thua lệ làng”. Trong lịch sử Việt Nam cũng đã có

những “bộ luật” được ban hành, nhưng chưa được coi là những chuẩn tắc tối cao, nghiêm ngặt, không thể thay đổi. Nhiều nhất, chúng cũng chỉ có ý nghĩa là luật trên giấy. Trong thực tế, tùy tình hình cụ thể mà người ta luôn có thể biến báo “linh động”, “ưu đãi”, “lệ riêng”, có thể thay đổi hoặc vứt bỏ những quy tắc của pháp luật thành văn chính thức mà áp dụng lệ làng hay nhiều biệt lệ khác. Khuynh hướng phi lý tính trong văn hóa pháp luật của người Việt là một điểm yếu, biểu hiện ở chỗ nó thiếu tính pháp quy chặt chẽ, thiếu “tinh thần pháp trị”, cơ bản dựa trên “sự ràng buộc tâm lý” và đạo đức, thiếu sự sắp đặt cần thiết về chế độ để đảm bảo pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh. Đó cũng là chỗ khác nhau cơ bản giữa nền “văn hóa Nho giáo” của Việt Nam với những nền “văn hóa Cơ đốc giáo” của phương Tây.

Truyền thống văn hóa Cơ đốc giáo phương Tây có rất nhiều điểm yếu, nhưng lại có một điểm mạnh. Đó là nỗ lực xây dựng chế độ pháp quy chính thức và theo đuổi việc thực thi pháp luật một cách nghiêm chỉnh, kiên trì. Nhờ những quy tắc và ràng buộc ổn định lâu dài của pháp luật, các chủ thể kinh tế tiết kiệm được chi phí giao dịch, phát triển các quan hệ thị trường.

⁽¹⁾ Phạm Duy Nghĩa (2008), Góp phần tìm hiểu văn hóa pháp luật, Tạp chí *Khoa học Kinh tế - Luật*, Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 24, số 1, tr. 1-8.

Ở Việt Nam, do truyền thống văn hóa pháp luật yếu, nên việc phát triển các thể chế kinh tế thị trường gặp nhiều khó khăn. Xin đơn cử một ví dụ. Trong hệ thống kinh tế truyền thống, quan hệ tín dụng được xây dựng dựa trên cơ sở tín chấp. Loại quan hệ này rõ ràng chỉ có thể có giữa những người thân quen, họ hàng, không thể phát triển thành quan hệ ủy thác - đại diện thông qua “người ngoài” và khó mà trở thành quan hệ tín dụng quy mô lớn. Trong bối cảnh đó, quan hệ tín dụng mà kinh tế thị trường đòi hỏi hệ thống pháp luật nghiêm khắc đảm bảo không thể hình thành được. Thói quen cầm cố, tập tục bắt nợ quen thuộc không có mấy ý nghĩa trong việc xây dựng văn hóa pháp luật thời kinh tế thị trường.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, văn hóa pháp luật được đưa lên vị trí ưu tiên trong mọi hoạt động của xã hội. Bởi cơ chế thị trường đòi hỏi cách làm ăn không chỉ có tình cảm, mà phải có nguyên tắc, đức trị phải được duy trì trên cơ sở pháp trị. Nền kinh tế Việt Nam muốn phát triển phải hòa mình vào hệ thống kinh tế quốc tế, tuân theo những “thông lệ quốc tế”. Vì vậy, chúng ta phải nỗ lực xây dựng một văn hóa pháp luật phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường hiện đại, làm cho “pháp luật nước ta tương thích với luật pháp quốc tế”. Chúng ta phải chú trọng hơn nữa việc xây dựng chế độ lý tính hóa, quy phạm hóa, dùng “tinh thần pháp trị”

để tự hoàn thiện. Đồng thời, vay mượn có bản sắc những thành tựu của văn hóa pháp luật nước ngoài để bù đắp cho thiếu hụt của truyền thống.

3. Sự điều chỉnh từ bên trong

Thế giới đã thay đổi. Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu đối với mọi quốc gia trong giai đoạn hiện nay. Nhận thức được tất yếu đó, Việt Nam đã thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện và ngày càng hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, tham gia tích cực vào sân chơi toàn cầu với việc thực thi các cam kết và nguyên tắc thị trường. Trong bối cảnh đó, văn hóa pháp luật có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc xác định và nâng cao vị thế của nước ta trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Chúng ta tiếp tục đổi mới tư duy về phát triển và hội nhập, chuyển từ tư duy quốc gia sang tư duy toàn cầu. Quá trình này buộc chúng ta phải từ bỏ những thói quen và lối tư duy lỗi thời (như tư tưởng ý lại, dựa vào bao cấp của Nhà nước, quan liêu, không minh bạch, không tuân thủ luật pháp). Tư duy toàn cầu đòi hỏi lựa chọn cơ cấu kinh tế phải tính đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn cầu, chuỗi giá trị toàn cầu, theo sự phân công lao động quốc tế. Trong thương mại quốc tế, mọi quy định phải được luật hóa, tiêu chuẩn hóa, phải “đo” được và được sự chấp nhận quốc tế. Luật pháp trong nước phải phù hợp với quy tắc quốc tế, theo thông lệ quốc tế. Điều hành tư pháp phải căn cứ vào yếu tố

quốc tế, nắm vững luật pháp quốc tế. Thực tiễn quá trình đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo trong hơn hai thập niên qua cho thấy, Việt Nam đang từng bước điều chỉnh và xây dựng văn hóa pháp luật của mình, góp phần hữu hiệu vào quá trình phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Thời gian qua ở Việt Nam, điểm nổi bật là đã thiết lập được rất nhiều văn bản pháp luật và dưới luật. Nội dung pháp luật kinh tế ngày càng phù hợp hơn với cơ chế thị trường, với thông lệ quốc tế. Đáng chú ý là khung pháp luật đã cho phép thực hiện những bước đi đầu tiên trong quá trình chuyển đổi hoạt động của Nhà nước về quản lý kinh tế từ can thiệp trực tiếp sang tác động gián tiếp vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thêm vào đó, một loạt cải tiến trong công tác soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản cũng như kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa các văn bản pháp luật trên diện rộng và việc phổ biến thông tin pháp luật một cách tích cực đã góp phần làm cho pháp luật đi nhanh vào cuộc sống và được chấp hành nghiêm chỉnh hơn.

Tuy nhiên, vẫn phải thừa nhận rằng, hệ thống pháp luật này hiện vẫn chưa theo kịp nhu cầu, đòi hỏi của công cuộc đổi mới để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhiều văn bản pháp luật quan trọng còn thiếu hoặc không đầy đủ, đặc biệt là những luật liên quan đến hành vi cạnh

tranh, đến bảo hộ quyền sở hữu, đến xử lý các vấn đề tranh chấp khác nhau. Trong một số luật đã ban hành có biểu hiện không nhất quán. Tính ổn định của luật cũng chưa được đảm bảo do nhiều luật thường chịu sự chi phối của hoàn cảnh cụ thể và thiếu chặt chẽ, dễ dẫn tới những cách hiểu và thực thi luật khác nhau. Pháp lệnh dân số là một ví dụ. Nội dung một số luật còn mang nặng tư duy chủ quan, bao cấp, cục bộ, không còn phù hợp với cơ chế thị trường và lợi ích toàn xã hội. Ngoài ra, do ảnh hưởng của nền “văn hóa luật tục” phi lý tính, quy trình lập pháp chưa được thực hiện một cách hợp lý làm giảm tính khả thi của luật. Chẳng hạn như: quá trình xây dựng dự luật chưa có thời gian thảo luận để thảo luận công khai, nhất là ít tiếp thu được ý kiến đầy đủ của những đối tượng bị điều chỉnh; dự án luật thông thường được xây dựng với tư duy hướng về phía thuận lợi cho công tác quản lý của các cơ quan nhà nước. Do vậy, không ít luật và các văn bản pháp luật mới đưa ra đã xuất hiện những bất hợp lý cần chỉnh sửa, thậm chí khó đi vào cuộc sống.

Gần đây, việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 được triển khai sâu rộng trong cả nước đã cho thấy một bước tiến mới trong quy trình lập pháp ở Việt Nam, vừa thể hiện được tính dân chủ, vừa gia tăng khuynh hướng lý tính cho việc xây dựng văn hóa pháp luật của nước ta.

Bên cạnh việc ban hành và kiện toàn các bộ luật, văn hóa pháp luật coi trọng việc tổ chức thực thi pháp luật. Có thể nói đây là khâu yếu nhất trong hệ thống văn hóa pháp luật của người Việt. Như trên đã nhận xét, đặc trưng chung của văn hóa truyền thống Việt Nam là không coi trọng việc xây dựng chế độ pháp quy chính thức cũng như cơ chế thực hiện. Quy tắc hành vi và “không chế hành vi” tùy tình hình cụ thể thường chiếm địa vị chi phối. Việc xây dựng và thực hiện những quy tắc chính thức thông thường không liên quan đến tình hình cụ thể thường bị xem nhẹ. Điều này hoàn toàn khác với văn hóa của người phương Tây. Ở đó, có dân tộc có thể tranh cãi trong nhiều tháng, thậm chí nhiều năm về việc xây dựng một điều luật, nhưng một khi luật đã hình thành thì sẽ tuân thủ một cách nghiêm chỉnh, kiên trì. Còn ở Việt Nam, lối tư duy và hành xử dựa trên tập tục, truyền thống, luân lý đạo đức, tín ngưỡng... vẫn còn phổ biến, chi phối hành vi của đại đa số người dân. Việc tuân thủ pháp luật dù được tuyên truyền rộng rãi, nhưng vẫn chưa trở thành thói quen hành xử và lối sống. Ngoài ra, việc giám sát thực thi luật còn rất lỏng lẻo ở nhiều lĩnh vực đã dẫn đến sự xuất hiện nhiều hiện tượng lừa đảo, tham nhũng, gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống kinh tế - xã hội. Sự phân cấp quản lý nhà nước trong vấn đề này cũng chưa hợp lý, sự phối hợp giữa các cấp yếu kém, thiếu hiệu

quả, kể cả việc trao đổi những thông tin cần thiết. Cho đến nay, hầu như chưa có một quy định pháp lý nào chế định việc trao đổi thông tin bắt buộc hoặc công bố thông tin công khai đối với các cơ quan nhà nước. Trong khi đó, chúng ta vẫn chưa hình thành được một cơ chế khuyến khích sự giám sát của các tổ chức ngoài nhà nước, của cộng đồng. Để thực hiện điều này, đòi hỏi phải thúc đẩy nhanh hơn nữa quá trình dân chủ và công khai, minh bạch các chính sách, các quyết định từ các cơ quan công quyền.

4. Sự du nhập văn hóa pháp luật nước ngoài

Các đề chế pháp luật phương Tây hiện đại ra đời trên nền tảng của chủ nghĩa trọng thương, chịu ảnh hưởng đáng kể của hệ thống luật pháp Hoa Kỳ. Nếu theo dõi Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, theo dõi quá trình soạn thảo và ban hành các đạo luật lớn về dân sự, thương mại, công ty, chứng khoán, tài chính, bảo hiểm ở Việt Nam, thì chúng ta sẽ dễ nhận thấy rằng, sự thông thương với thế giới đã làm gia tăng đáng kể ảnh hưởng của các nền văn hóa pháp luật thế giới đối với Việt Nam. Để “làm cho pháp luật nước ta tương thích với luật lệ quốc tế”, một cuộc du nhập pháp luật quy mô rất lớn đã và đang diễn ra trên cả ba cấp độ: du nhập pháp luật trên giấy, du nhập quan niệm và triết lý pháp luật, và du nhập các thiết chế thực thi pháp luật. Quá trình này bắt đầu từ lĩnh vực pháp luật thương mại, dân sự, tài chính,

ngân hàng, sau đó lan nhanh sang pháp luật tài sản, hợp đồng và đang bắt đầu cuộc khai phá của chúng tới pháp luật hành chính, hình sự, dè dặt thăm dò nền tảng chính trị của xã hội như quyền công dân, dân quyền, nhân quyền, tổ chức quyền lực và quyền tiếm cận công lý.

Trong thời đại kinh tế thị trường, các hiệp định “tự do thương mại” đóng vai trò như một nhân tố mở đường, một trong những thế lực làm phẳng thế giới. Vào đầu thế kỷ XXI, khi người ta phải công nhận tính không thể đảo ngược của xu thế toàn cầu hóa thì nó cũng không thể được hiểu một cách nào khác hơn là quá trình san bằng dần dần những khác biệt và đặc thù về mặt văn hóa, nhất thể hóa các tiêu chuẩn và giá trị trên phạm vi toàn cầu. Văn hóa là cách mà chúng ta tổ chức đời sống nói chung, văn hóa pháp luật ở Việt Nam chịu sức ép lấn lướt mạnh mẽ từ các trung tâm văn hóa góp phần định chuẩn cho thế giới này. Có thể gọi đó là tiếp biến, là du nạp. Cuộc vay mượn pháp luật trên giấy có thể diễn ra chóng vánh, tựa như việc học hỏi và du nhập các thành tựu khoa học công nghệ nước ngoài. Song làm cho các quan niệm, giá trị và thái độ ẩn sau các quy phạm đó thực sự trở thành nếp nghĩ của dân chúng, thành một tác nhân văn hóa có khả năng điều tiết hành vi sinh hoạt của cả cộng đồng mới là điều không hề đơn giản và dễ dàng. Bởi lẽ quan hệ văn hóa là loại quan hệ không dễ nhập khẩu. Để biến các nhân tố của

văn hóa ngoại nhập thành yếu tố nội sinh đòi hỏi một quá trình lâu dài và kiên trì học hỏi.

Mọi nền văn hóa trên thế giới, một khi đã hình thành đều ít nhiều có khuynh hướng bảo thủ. Điều này là tự nhiên, đồng nghĩa với những phản ứng tự vệ nhằm duy trì sự tồn tại của bản thân mình. Nền văn hóa càng lâu đời, sự khác biệt với môi trường sinh tồn mới càng lớn, thì tính bảo thủ này càng bộc lộ rõ rệt. Văn hóa Việt Nam cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Chỗ thực sự độc đáo của văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam là ở “sức sống ngoan cường” của nó, biểu hiện trong sự phản kháng mãnh liệt của Việt tộc để bảo tồn tính cách Việt, nòi giống Việt và không gian sinh tồn thuần Việt. Mặt khác, truyền thống này có thể đóng vai trò là một tác nhân làm biến dạng đáng kể ảnh hưởng của sự du nhập pháp luật. Cuộc du nạp pháp luật trên giấy hiển nhiên sẽ kéo theo những xung đột không tránh khỏi về ý niệm, nhưng ý niệm nào sẽ được đông đảo dân chúng Việt Nam chấp nhận và thực thi trong hành vi ứng xử thực tế, thì sẽ vẫn là câu hỏi chờ lời giải đáp.

Trong cuộc “va chạm giữa các nền văn minh”, văn hóa, và văn hóa pháp luật của người Việt Nam chắc chắn sẽ phải cọ sát với vô khối lực xô đẩy từ các trung tâm văn minh; cảm giác nghiêng ngã, xáo trộn tức thời là khó tránh khỏi. Tính biến động với những cuộc thu nạp và khả năng chống trả do bản tính duy

trì sinh tồn của văn hóa Việt Nam là đặc điểm đáng chú ý của văn hóa pháp luật hiện nay. Sự linh hoạt trong tiếp biến văn hóa vốn là một đặc trưng của văn hóa Việt Nam được tiếp tục thể hiện khá sinh động và thú vị. Nhìn vào đời sống văn hóa pháp luật ở Việt Nam thời nay có thể thấy sự ẩn hiện của những nếp hành xử cũ dưới những tấm áo hiện đại. Một cơ sở kinh doanh của người Việt Nam mau chóng khoác cái áo công ty cổ phần của phương Tây, trong quản lý người ta gặp lại dáng dấp gia trưởng và dây mơ rễ má quan hệ của người Hán, song vẫn thấp thoáng sự thoải mái, thuận tiện và dễ hài lòng của người Việt Nam. Công ty nhiều, song tính chịu trách nhiệm hữu hạn thì ít, và phá sản theo thương luật lại càng hiếm hoi. Điều này cho thấy, ngay cả trong thương luật là lĩnh vực thu nạp pháp luật phương Tây nhanh và phổ quát nhất, cuộc du nạp cũng mới chỉ diễn ra ở vầng bọt, mà chưa thể thẩm thấu tới các giá trị và cách hành xử của người Việt Nam.

Trong các mô hình văn hóa thị trường có một số nét hấp dẫn, đáng cho Việt Nam học tập. Có thể nhận thấy một giai đoạn du nhập văn hóa pháp luật nước ngoài đã và sẽ diễn ra ngày càng hối hả hơn trong một vài thập niên nữa. Cùng với thời gian, quá trình tiếp biến văn hóa sẽ thực hiện việc kết hợp các yếu tố tích cực của văn hóa luật pháp quốc tế với những ràng buộc xã hội truyền thống của Việt Nam, làm thành đặc trưng của

văn hóa pháp luật Việt Nam. Để hỗ trợ quá trình này, chiến lược phát triển văn hóa coi giáo dục tinh thần công dân, ý thức về quyền và nghĩa vụ, giáo dục văn hóa pháp luật và văn hóa dân chủ, tạo thói quen và nguyên tắc sống và làm việc trong một xã hội công dân có kỷ cương, pháp luật nghiêm minh là một định hướng cực kỳ quan trọng.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Đức Tiết (2005), *Văn hóa pháp lý Việt Nam*, Nxb Tư pháp.
2. Trần Ngọc Đường (2003), Văn hóa pháp lý với sự nghiệp đổi mới ở nước ta, *Tạp chí Luật học*, số 2.
3. Viện Khoa học Pháp lý (2001), Văn hóa tư pháp, *Thông tin Khoa học pháp lý*, số 7.
4. David Nelken, Using the concept of legal culture, *Australian Journal of Legal Philosophy*, 2004.
5. Phạm Duy Nghĩa (2008), Góp phần tìm hiểu văn hóa pháp luật, *Tạp chí Khoa học Kinh tế - Luật*, Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 24, số 1, tr. 1-8.
6. <http://phapluatvietnam.wordpress.com/2008/05/11/Van-hoa-phap-ly-cach-tiep-can-nghien-cuu-moi-cua-luat-so-sanh/>
7. Nguyễn Thị Thường (2008), *Giáo trình Văn hóa học*, Nxb Đại học Sư phạm.
8. Nguyễn Thị Thường (2009), *Nhân tố văn hóa trong sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường Việt Nam*, In trong: *Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 113-140.
9. Đặng Phong (2006), *Lịch sử kinh tế Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia.

